

【沖縄県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
キャベツ	194	4,950	4,230	nc	nc	nc
春キャベツ	43	1,210	1,090	nc	nc	nc
夏秋キャベツ	0	0	0	nc	nc	nc
冬キャベツ	151	3,740	3,140	nc	nc	nc
きゅうり	79	3,330	2,760	nc	nc	nc
冬春きゅうり	54	2,480	2,060	nc	nc	nc
夏秋きゅうり	25	845	698	nc	nc	nc
さといも	7	38	34	88	83	87
秋冬さといも	-	-	-	nc	nc	nc
その他さといも	7	38	34	88	83	87
だいこん	21	461	329	nc	nc	nc
春だいこん	3	61	44	nc	nc	nc
夏だいこん	0	0	0	nc	nc	nc
秋冬だいこん	18	400	285	nc	nc	nc
たまねぎ	16	299	263	nc	nc	nc
トマト	55	3,010	2,660	95	91	91
ミニトマト	15	573	503	107	104	99
加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
冬春トマト	52	2,950	2,610	93	90	91
冬春ミニトマト	13	538	476	100	100	95
夏秋トマト	3	59	45	nc	nc	nc
夏秋ミニトマト	2	35	27	nc	nc	nc
夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
なす	28	1,190	994	nc	nc	nc
冬春なす	17	876	739	nc	nc	nc
夏秋なす	11	314	255	nc	nc	nc
にんじん	126	2,060	1,710	93	78	76
春夏にんじん	41	841	729	93	91	91
秋にんじん	-	-	-	nc	nc	nc
冬にんじん	85	1,220	985	92	76	74
ねぎ	12	162	129	nc	nc	nc
春ねぎ	5	78	62	nc	nc	nc
夏ねぎ	2	21	15	nc	nc	nc
秋冬ねぎ	5	63	52	nc	nc	nc
はくさい	4	99	64	nc	nc	nc
春はくさい	0	10	8	nc	nc	nc
夏はくさい	0	1	1	nc	nc	nc
秋冬はくさい	4	88	55	nc	nc	nc
ばれいしょ	66	904	708	nc	nc	nc
春ばれいしょ	-	-	-	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	66	904	708	nc	nc	nc
ピーマン(しとう舎)	44	2,830	2,490	107	104	105
冬春ピーマン	36	2,570	2,260	106	106	106
夏秋ピーマン	8	261	230	nc	nc	nc
ほうれんそう	60	690	505	nc	nc	nc
レタス(サラダ菜舎)	226	3,660	3,170	92	80	80
サラダ菜	6	58	52	86	78	78
春レタス(サラダ菜舎)	45	851	732	88	89	88
春サラダ菜	2	18	16	100	82	84
夏秋レタス(サラダ菜舎)	8	129	112	nc	nc	nc
夏秋サラダ菜	1	11	10	nc	nc	nc
冬レタス(サラダ菜舎)	173	2,680	2,330	94	77	77
冬サラダ菜	3	29	26	75	76	79

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
特 定 野 菜	アスパラガス	1	9	9	nc	nc	nc
	いちご	5	91	89	nc	nc	nc
	えだまめ	30	113	101	nc	nc	nc
	かぶ	1	15	12	nc	nc	nc
	かぼちゃ	376	3,560	3,180	94	101	101
	カリフラワー	10	159	113	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	0	1	1	nc	nc	nc
	ごぼう	3	47	32	nc	nc	nc
	こまつな	37	622	531	nc	nc	nc
	さやいんげん	163	1,830	1,670	99	96	94
	さやえんどう	2	13	7	nc	nc	nc
	ししとう	2	21	17	200	53	47
	冬春ししとう	1	10	8	100	43	42
	夏秋ししとう	1	11	9	nc	nc	nc
	しゅんぎく	5	74	55	nc	nc	nc
	しょうが	11	140	105	nc	nc	nc
	スイートコーン	26	241	192	nc	nc	nc
	ずいか	81	2,140	1,900	nc	nc	nc
	セルリー	9	288	243	nc	nc	nc
	そらまめ	0	1	0	nc	nc	nc
	ちんげんさい	60	798	676	88	84	85
	にら	13	264	197	nc	nc	nc
	にんにく	18	191	96	nc	nc	nc
	ふき	-	-	-	nc	nc	nc
	ブロッコリー	19	203	144	nc	nc	nc
	みずな	4	56	50	nc	nc	nc
みつば	1	4	3	nc	nc	nc	
メロン	6	103	88	nc	nc	nc	
温室メロン	-	-	-	nc	nc	nc	
やまのいも	6	79	44	nc	nc	nc	
ながいも	-	-	-	nc	nc	nc	
れんこん	x	x	x	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能